

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO  
TẠO  
Số: 04/1999/QĐ-BGDĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 11 tháng 2 năm 1999

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học và cao đẳng hệ chính quy

### BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 29/CP ngày 30/3/1994 của Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Chỉ thị số 30/1998/CT-TTg ngày 1/9/1998 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh chủ trương phân ban ở phổ thông trung học và đào tạo hai giai đoạn ở đại học;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đại học;

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học và cao đẳng hệ chính quy.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 3968/GD-ĐT ngày 14/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp cho các hệ đào tạo đại học và cao đẳng chính quy.

Ông Vụ trưởng Vụ Đại học có trách nhiệm hướng dẫn các trường đại học, cao đẳng thực hiện Quy chế này.

**Điều 3:** Ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Đại học, Vụ trưởng các Vụ liên quan, các Giám đốc Đại học Quốc gia, các Giám đốc Đại học Huế, Đà Nẵng, Thái Nguyên, Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng trong cả nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

## QUY CHẾ

VỀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO, KIỂM TRA, THI VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/1999/QĐ-BGD&ĐT ngày 11/02/1999 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

## **Chương I:**

### **TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 1: Chương trình đào tạo**

1. Giáo dục đại học đào tạo trình độ cao đẳng và trình độ đại học.

Nội dung đào tạo trong toàn khoá học ở mỗi trình độ của từng ngành đào tạo được thể hiện thành chương trình đào tạo.

Chương trình đào tạo của mỗi ngành đào tạo do các trường đại học và cao đẳng xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định. Chương trình khung gồm cơ cấu nội dung các môn học, thời gian đào tạo, tỷ lệ phân bổ thời gian đào tạo giữa các môn học cơ bản và chuyên ngành, giữa lý thuyết và thực hành, thực tập.

2. Chương trình đào tạo gồm hai khối kiến thức:

Khối kiến thức giáo dục đại cương.

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

Mỗi khối kiến thức có 2 nhóm học phần:

Nhóm học phần bắt buộc gồm những học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của ngành đào tạo và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

Nhóm học phần tự chọn gồm những học phần chứa đựng những nội dung cần thiết nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường để tích lũy đủ số học phần qui định.

Căn cứ vào qui định về cấu trúc và khối lượng kiến thức tối thiểu cho các trình độ đào tạo, Giám đốc đại học, Giám đốc học viện, Hiệu trưởng trường đại học, cao đẳng (dưới đây gọi chung là Hiệu trưởng các trường) qui định các học phần này cho các ngành đào tạo của trường.

3. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho người học tích lũy trong quá trình học tập. Mỗi học phần có khối lượng từ 2 đến 5 đơn vị học trình, được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ và được kết cấu riêng theo từng môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã riêng do trường quy định.

Căn cứ vào đặc điểm các ngành đào tạo của trường, Hiệu trưởng qui định việc bố trí giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp cho phù hợp, bảo đảm tính khoa học, hiệu quả và thuận tiện cho sinh viên.

4. Đơn vị để tính khối lượng học tập của sinh viên là đơn vị học trình. Một đơn vị học trình được quy định bằng khoảng 15 tiết học lý thuyết, bằng khoảng 30 hoặc 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận, bằng khoảng 45- 90 tiết thực tập tại cơ sở hoặc bằng khoảng 45- 60 tiết làm tiểu luận hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một đơn vị học trình sinh viên phải dành ít nhất 15 tiết chuẩn bị.

Hiệu trưởng quy định những con số trên đối với từng học phần cho phù hợp với đặc điểm của trường.

Một tiết học được tính bằng 45 phút.

## **Điều 2: Thời gian và kế hoạch đào tạo**

1. Các trường đại học và cao đẳng tổ chức đào tạo theo khoá học và năm học.

Khoá học là thời gian được thiết kế để sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo của một ngành chuyên môn cụ thể. Một khoá học đại học, tùy theo ngành đào tạo, từ 4 đến 6 năm học và một khoá học cao đẳng là 3 năm học.

Một năm học có 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài 2 học kỳ chính, các trường có thể tổ chức thêm một học kỳ hè để cho những sinh viên thi không đạt ở các học kỳ chính được học lại và những sinh viên học giỏi có điều kiện học vượt để kết thúc sớm chương trình học tập. Mỗi học kỳ hè có 7 đến 8 tuần thực học và một tuần thi.

2. Căn cứ vào khối lượng kiến thức tối thiểu cho các trình độ đào tạo, Hiệu trưởng phân bổ số đơn vị học trình cho các năm học, các học kỳ.

Đầu khoá học, trường phải thông báo cho sinh viên về kế hoạch học tập, lịch trình, chương trình đào tạo toàn khoá của các ngành đào tạo, về quy chế học tập, kiểm tra, thi, đánh giá, xếp loại học tập và công nhận tốt nghiệp, về nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Đầu mỗi năm học, trường phải thông báo lịch học trong từng học kỳ, đề cương chi tiết của các học phần, điều kiện để được học tiếp, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi các học phần. Đầu mỗi năm học, sinh viên phải đăng ký học các học phần tự chọn với Phòng đào tạo của trường.

## **Điều 3: Phân ngành đào tạo**

1. Đối với những trường đã định điểm xét tuyển theo ngành đào tạo trong kỳ thi tuyển sinh đại học và cao đẳng: Sinh viên đạt điểm xét tuyển qui định đối với ngành mà mình đã đăng ký dự thi thì được trường sắp xếp vào học theo đúng nguyện vọng.

Sau khi kết thúc phần giáo dục đại cương, trường qui định điểm trung bình chung học tập (cách tính điểm trung bình chung học tập được qui định tại khoản 2 Điều 11 của Quy chế này) cần thiết để xét tuyển phần lớn sinh viên vào học tiếp phần giáo dục chuyên nghiệp. Những sinh viên không đạt điểm trung bình

chung học tập theo qui định phải dự thi tuyển cùng những sinh viên khác cùng khối ngành trong trường có nhu cầu chuyển ngành.

Điều kiện dự thi, hình thức thi, nội dung thi, điểm xét tuyển do Hiệu trưởng qui định. Sinh viên thi không đạt phải chuyển sang học ngành khác theo qui định của trường.

2. Đối với những trường trong kỳ thi tuyển sinh không định điểm xét tuyển theo ngành đào tạo: Đầu khoá học, trường công bố công khai chỉ tiêu đào tạo cho từng ngành. Sau khi kết thúc phần giáo dục đại cương, trường căn cứ vào đăng ký chọn ngành của sinh viên và điểm trung bình chung học tập của họ để phân ngành.

Nếu số lượng sinh viên đăng ký vào học ngành nào đó lớn hơn chỉ tiêu đã công bố thì trường lấy những người có điểm trung bình chung học tập từ cao trở xuống cho đến đủ chỉ tiêu. Những sinh viên không đủ điểm qui định phải chuyển sang học ngành khác theo qui định của trường.

#### **Điều 4: Điều kiện để được học tiếp, ngừng học hoặc thôi học**

Cuối mỗi năm học, nhà trường căn cứ vào số học phần đã học và điểm trung bình chung học tập của năm học đó để xét việc học tiếp, phải ngừng học hoặc thôi học của sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên ở học kỳ hè (nếu có) của năm học nào được tính chung vào kết quả học tập của năm học đó.

1. Sinh viên được học tiếp lên năm học sau nếu có đủ các điều kiện dưới đây:

Có điểm trung bình chung học tập của năm học đó từ 5,00 trở lên.

Số đơn vị học trình của các học phần bị điểm dưới 5 không quá 25% tổng số đơn vị học trình qui định cho năm học đó.

Nếu còn những học phần bị điểm dưới 5 sinh viên phải trả nợ ở các kỳ thi tiếp theo.

2. Sinh viên phải thôi học nếu bị rơi vào một trong các trường hợp sau:

Có điểm trung bình chung học tập của năm học dưới 4,00.

Có điểm trung bình chung học tập ở hai năm học liên tiếp hoặc ở ba năm học bất kỳ tính từ đầu khoá học nằm trong giới hạn từ 4,00 đến cận 5,00.

Sinh viên thuộc diện thôi học được trường thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Nhà trường có trách nhiệm thông báo về địa phương và gia đình sinh viên biết chậm nhất 1 tháng sau khi có quyết định cho thôi học.

3. Sinh viên không thuộc diện qui định tại khoản 1 và 2 của Điều này được ngừng học để có thời gian củng cố kiến thức và thi trả nợ những học phần chưa đạt.

Sinh viên đại học, cao đẳng không thuộc diện ưu tiên trong đào tạo và sinh viên thuộc diện ưu tiên trong đào tạo nhưng không thuộc qui định tại khoản 2.b Điều 5 của Quy chế này được ngừng học tối đa

không quá một năm cho toàn khoá học đối với các ngành có thời gian đào tạo từ 3- 4 năm, không quá hai năm đối với các ngành có thời gian đào tạo từ 5- 6 năm. Hai năm ngừng học này không được kế tiếp nhau.

4. Trong thời gian ngừng học, sinh viên phải lên lớp học lại các học phần chưa đạt. Hiệu trưởng xem xét có thể bố trí cho các sinh viên này học một số học phần của năm học tiếp theo.

#### **Điều 5: Chế độ ưu tiên trong đào tạo**

1. Các đối tượng ưu tiên: Các đối tượng thuộc diện ưu tiên 1 và ưu tiên 2 được thực hiện như qui định tại Qui chế tuyển sinh vào hệ đào tạo chính qui trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp ban hành theo Quyết định số 461/QĐ-TS ngày 11/ 2/1991 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có sửa đổi và bổ sung theo Quyết định số 311/QĐ-HS-SV ngày

22/2/1993, số 256/GD-ĐT ngày 25/1/1994, số 504/GD-ĐT ngày 02/ 02/1996, số 688/GD-ĐT ngày 20/2/1997 và số 338/1998/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/2/1998 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi chung là Qui chế tuyển sinh).

2. Chế độ ưu tiên trong xét điều kiện học tiếp, ngừng học, thôi học:

a. Các qui định về điểm tại Điều 4 của Qui chế này đối với sinh viên thuộc diện ưu tiên 1 khu vực 1 được giảm 0,60 điểm, đối với sinh viên thuộc diện ưu tiên 2 khu vực 1 và ưu tiên 1 khu vực 2 được giảm 0,40 điểm, đối với diện ưu tiên 2 khu vực 2 được giảm 0,2 điểm.

b. Sinh viên đại học và cao đẳng thuộc diện ưu tiên 1 được ngừng học để củng cố kiến thức tối đa không quá hai năm cho toàn khoá học đối với các ngành có thời gian đào tạo từ 3 - 4 năm, không quá ba năm cho toàn khoá học đối với các ngành có thời gian đào tạo từ 5 - 6 năm. Các năm ngừng học này không được kế tiếp nhau.

Trong thời gian ngừng học, các chế độ ưu đãi của Nhà nước cho sinh viên diện ưu tiên 1 và 2 được giữ nguyên.

#### **Điều 6: Điều kiện để học vượt, học cùng một lúc ở nhiều ngành, nhiều trường**

Việc học vượt, học cùng một lúc ở nhiều ngành, nhiều trường được thực hiện đối với những sinh viên đã học xong năm học thứ nhất có đủ các điều kiện sau:

1. Những sinh viên có điểm trung bình chung học tập cả năm từ 8,00 trở lên được quyền đăng ký học vượt một số học phần trong chương trình đào tạo. Sinh viên học vượt được rút ngắn thời gian học ở trường so với thời gian qui định cho toàn khoá học nhưng không được quá 2 năm đối với trình độ đại học và không quá 1 năm đối với trình độ cao đẳng.

Hàng năm, Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả học tập cụ thể của những sinh viên được phép học vượt để bố trí họ vào học ở năm học phù hợp.